

Số: /SGDDĐT-GDMNTH

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

V/v hướng dẫn thực hiện
nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học
năm học 2026-2027

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Nguyễn Như Kon Tum;
- Các Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập;
- IEC Quảng Ngãi.

Căn cứ Công văn số 5208/BGDDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-SGDDĐT ngày 20/8/2025 của Sở GDĐT về tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục Mầm non, Tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2025-2030, Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với cấp tiểu học như sau:

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục¹.
2. Thực hiện giáo dục bắt buộc theo quy định và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục².
3. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học.
4. Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính.

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2021/TT-BGDDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GDĐT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ GDĐT, Thông tư số 17/2025/TT-BGDDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BGDDĐT.

² Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.

5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá cấp tiểu học

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông (cấp tiểu học), phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu. Kế hoạch phải bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình, trên cơ sở phân tích dữ liệu và minh chứng thực tiễn về chất lượng giáo dục, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ, kết quả học tập, mức độ phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nhu cầu của địa phương; thực hiện quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, tăng cường sử dụng các công cụ số để theo dõi, đánh giá, dự báo và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng giáo dục³.

Tổ chức thực hiện đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định; rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu; bảo đảm nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày⁴ phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh; tăng cường các hoạt động giáo dục toàn diện và hỗ trợ học sinh theo nhu cầu; không gây áp lực cho học sinh, đồng thời bảo đảm học sinh đạt yêu cầu cần đạt của chương trình vào cuối năm học.

Các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, lựa chọn, tích hợp thiết thực, phù hợp các nội dung giáo dục về quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; giáo dục an toàn giao thông hình thành cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường, trách nhiệm đối với cộng đồng, phát triển lối sống xanh và các nội dung giáo dục tích hợp khác phù hợp với lứa tuổi. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn học sinh tìm hiểu, học tập các quy định và kỹ năng tham gia giao thông an toàn, phù hợp với lứa tuổi trên nền tảng Bình dân học vụ số.

³ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

⁴ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông. Công văn số 1326/SGDĐT-GDMNTH ngày 30/9/2025 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp tiểu học năm học 2025-2026.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục

Các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm và giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt.

Chỉ đạo giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông (cấp tiểu học); lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT. Khuyến khích giáo viên ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu học tập của học sinh để cá thể hóa hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập và phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; bảo đảm việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Các cơ sở giáo dục tiểu học khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương; khai thác phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp ở địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh.

Đối với cơ sở giáo dục tiểu học sau sắp xếp, khẩn trương kiện toàn các tổ chuyên môn, phân công đội ngũ hợp lý và thiết lập cơ chế sinh hoạt chuyên môn thống nhất giữa trường chính, phân hiệu, điểm trường; tăng cường sinh hoạt chuyên môn trực tiếp kết hợp trực tuyến, bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô trường và điều kiện từng địa điểm của cơ sở giáo dục.

3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

Thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng quy định, đảm bảo khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ⁵.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu.

⁵ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đối với học sinh chưa đảm bảo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, lớp học: các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, trong đó cần xác định rõ mục tiêu, giải pháp cụ thể, có giới hạn về thời gian hoàn thành; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, tư vấn, hỗ trợ điều chỉnh các hoạt động dạy học và có biện pháp giáo dục hiệu quả, đảm bảo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, lớp học và sự tiến bộ của học sinh.

4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

a) Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và điều kiện phát triển của địa phương. Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Sở GDĐT về điều chỉnh tài liệu giáo dục địa phương trong năm học 2026-2027.

Nội dung giáo dục của địa phương được dạy tích hợp trong Hoạt động trải nghiệm (từ lớp 1 đến lớp 5): đảm bảo 35 tiết/năm học nằm trong tổng thời lượng thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm (105 tiết/năm học). Ngoài ra, nội dung giáo dục của địa phương là cơ sở để gợi ý ngữ liệu tích hợp dạy học các môn học (Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Toán, Lịch sử và Địa lí,...) ở từng lớp của cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018,... góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh tiểu học.

b) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục tổ chức hoạt động trải nghiệm theo đúng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và bảo đảm thiết thực, an toàn, phù hợp với lứa tuổi, điều kiện nhà trường, địa phương. Nội dung hoạt động cần gắn với giáo dục kỹ năng sống, lao động, tự phục vụ, trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp⁶.

c) Giáo dục STEM

Tăng cường triển khai giáo dục STEM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức và năng lực của học sinh tiểu học, điều kiện thực tiễn của nhà trường và gắn với

⁶ Công văn số 3535/BDGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học.

thực tiễn địa phương. Khuyến khích tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành, khám phá, giải quyết vấn đề và dự án học tập liên môn phù hợp; ưu tiên lồng ghép nội dung STEM trong các môn học và hoạt động giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, chú trọng tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết hợp giáo dục STEM với phát triển năng lực số thông qua các chủ đề, bài học có ứng dụng công nghệ số, công cụ số và trí tuệ nhân tạo phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học; khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương.

Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên trong xây dựng và tổ chức các hoạt động, chủ đề STEM. Ưu tiên xây dựng các chủ đề STEM gắn với môi trường, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường biển đảo và phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ngãi; khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo các giải pháp xanh phù hợp với điều kiện địa phương. Không tổ chức giáo dục STEM theo phong trào, nặng về sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

d) Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp từng khối lớp theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh tiểu học và các hướng dẫn liên quan⁷. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số. Kết quả giáo dục năng lực số cho người học được xác định theo yêu cầu cần đạt quy định tại văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT⁸; kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT⁹.

Đối với địa bàn còn khó khăn về đội ngũ, thiết bị hoặc hạ tầng công nghệ thông tin, chủ động thực hiện các giải pháp phù hợp như dạy học theo cụm trường, chia sẻ học liệu số, bồi dưỡng giáo viên và khai thác hiệu quả các nền tảng số.

đ) Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

⁷ Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027.

⁸ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học.

⁹ Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT về việc Ban hành khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông.

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo đề án¹⁰ của Chính phủ, kế hoạch¹¹ của Bộ GDĐT và của tỉnh¹² phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh. Từng bước mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường; tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, khai thác hiệu quả các nguồn lực và nền tảng số phục vụ dạy học tiếng Anh. Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và từng bước nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả.

Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện của cơ sở giáo dục. Đối với địa bàn thiếu giáo viên ngoại ngữ, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng phương án dạy học liên trường, theo cụm trường, trực tiếp kết hợp trực tuyến. Phát triển, chia sẻ học liệu dùng chung. Bồi dưỡng, điều động và bố trí đội ngũ theo thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và cơ hội học ngoại ngữ của học sinh.

e) Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và các hoạt động sáng tạo nghệ thuật phù hợp nhằm bồi dưỡng tâm hồn, cảm thụ thẩm mỹ, tình yêu quê hương đất nước và gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương¹³.

¹⁰ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045".

¹¹ Quyết định số 8451/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Đề án Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 3454/QĐ-BGDĐT ngày 17/12/2025 của Bộ GDĐT về Kế hoạch năm 2026 tại các đơn vị thuộc Bộ GDĐT thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"; Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 12/2/2026 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch năm 2026 thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045".

¹² Công văn số 5746/UBND-KGVX ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"; Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 và Đề án Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

¹³ Công văn số 8093/UBND-KGVX ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Công văn số 1189-CV/ĐU ngày 11/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ; Công văn số 3558/SVHTTDL-QLVH ngày 19/8/2026 của Sở VH TT & DL về triển khai ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam.

g) Giáo dục thể chất và y tế trường học

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất; phòng, chống tai nạn, thương tích; chăm sóc sức khỏe tinh thần và nâng cao năng lực thích ứng của học sinh trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập. Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện của nhà trường.

h) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động giáo dục thường xuyên, trải nghiệm thực tiễn và việc làm cụ thể hằng ngày; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương Quảng Ngãi; giáo dục học sinh ý thức giữ gìn tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, di sản văn hóa và bản sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

5. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện huy động trẻ em vào lớp Một, trong đó phối hợp với cha mẹ học sinh hỗ trợ trẻ em chuyển tiếp từ mầm non sang tiểu học. Chỉ đạo cơ sở giáo dục tổ chức tiếp nhận và hỗ trợ học sinh lớp Một bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Không tổ chức kiểm tra, khảo sát năng lực để tuyển sinh vào lớp Một; không tạo áp lực học trước Chương trình lớp Một đối với trẻ em¹⁴.

Chú trọng củng cố năng lực tiếng Việt, nhất là kỹ năng đọc, viết; năng lực tính toán, giao tiếp, tự phục vụ, tự học và nền nếp học tập cho học sinh lớp 1, lớp 2. Đối với học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường tổ chức hỗ trợ kịp thời, phù hợp trong quá trình dạy học, giúp học sinh từng bước đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình. Đối với học sinh khuyết tật, việc tổ chức dạy học và hỗ trợ được thực hiện phù hợp với khả năng, nhu cầu và kế hoạch giáo dục cá nhân.

II. Thực hiện giáo dục bắt buộc và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

¹⁴ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai, thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; Kế hoạch số 697/KH-SGDĐT ngày 08/4/2026 của Sở GDĐT về Kế hoạch triển khai, thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

1. Thực hiện giáo dục bắt buộc

Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu kịp thời, chính xác, thống nhất với cơ sở dữ liệu ngành.

Phân định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục trong điều tra, huy động, duy trì sĩ số, xử lý học sinh bỏ học và cập nhật dữ liệu.

Các cơ sở giáo dục tăng cường phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi được đi học; kịp thời hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Tập trung chuẩn bị cho học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và chuyển tiếp lên trung học cơ sở.

2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động rà soát, xác định học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đối với địa bàn, cơ sở giáo dục còn khó khăn và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên bảo đảm điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, bán trú, nội trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

Bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu; chủ động khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư. Việc hỗ trợ phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

3. Phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục vùng khó khăn

Các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với công tác chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp Một, bảo đảm học sinh có đủ năng lực học tập, giao tiếp và tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông. Tiếp tục triển khai và mở rộng dạy học tiếng Bahnar và tiếng Jrai đã được ban hành chương trình, sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu của học sinh và bảo tồn phát triển ngôn ngữ các dân tộc¹⁵. Duy trì các lớp, các hình thức

¹⁵ Nghị định số 96/2025/NQ-CP ngày 29/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; thực hiện theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành CTGDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Ê đê, tiếng Jrai, tiếng Khmer, tiếng Mnông, tiếng Mông, tiếng Thái và

tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục¹⁶ phù hợp với nhu cầu và điều kiện của địa phương. Triển khai giáo dục văn hóa, tuyên truyền bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Jrai và Bahnar trong các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số và miền núi¹⁷.

Đối với học sinh dân tộc thiểu số, chú trọng củng cố kiến thức nền tảng, kỹ năng tự học, tư vấn tâm lý. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa học sinh bỏ học do lao động sớm, di cư tự do, mùa vụ và các nguyên nhân khác.

Các cơ sở giáo dục có học sinh bán trú, nội trú thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo đảm an ninh, an toàn trường học; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh; tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày gắn với giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quốc phòng, an ninh và giáo dục chủ quyền biên giới, biển, đảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo quy định¹⁸. Các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, bảo đảm nội dung Chương trình giáo dục phổ thông và kỹ năng đặc thù phù hợp với từng dạng khuyết tật, giúp học sinh hòa nhập cuộc sống; tăng cường phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu. Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm các điều kiện thực hiện giáo dục hòa nhập, hỗ trợ học sinh khuyết tật; kịp thời báo cáo Sở GDĐT những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện¹⁹.

các Quyết định phê duyệt sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn dạy tiếng DTTS của Bộ GDĐT; Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt triển khai dạy học tiếng Bahnar và Rrai cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kế hoạch số 697/KH-SGDĐT ngày 08/4/2026 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi về triển khai, thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

¹⁶ Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, xã Kon Braih; Trường Tiểu học Đặng Trần Côn, xã Ngọc Bay; Trường Tiểu học Bé Văn Đàn; xã Đắk Rơ Wa; Trường TH-THCS Đắk Rơ Wa, xã Đắk Rơ Wa; Trường Tiểu học Chư Hreng, xã Đắk Rơ Wa; Trường TH-THCS Đoàn Kết, xã Ia Chim; Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Ia Chim; Trường TH-THCS Nguyễn Trãi, xã Sa Thầy; Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Sa Bình.

¹⁷ Công văn số 4586/BGDĐT-GDPT ngày 20/7/2026 của Bộ GDĐT về việc tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên về giáo dục, tuyên truyền bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Jrai và Bahnar trong các trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

¹⁸ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ GDĐT Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

¹⁹ Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 08/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Triển khai thực hiện Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg²⁰ và Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT²¹ theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; tăng cường phối hợp, kết nối với các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và các cơ sở, tổ chức có liên quan để hỗ trợ học sinh khuyết tật phù hợp với điều kiện thực tế.

Đối với các Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập: Ngoài việc triển khai, thực hiện những nhiệm vụ năm học 2026-2027, các Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập xây dựng kế hoạch với định hướng nâng cao chất lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ theo quy định²². Đồng thời, đóng vai trò đầu mối của tỉnh trong thống kê, tổng hợp số liệu, tư vấn, can thiệp, bồi dưỡng và hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tư vấn, can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, trẻ có nguy cơ khuyết tật; đa dạng hóa hình thức hỗ trợ (*trực tiếp, trực tuyến, phối hợp cộng đồng*). Tăng cường phối hợp với các trường học, cha mẹ học sinh, y tế, tổ chức xã hội để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân hiệu quả, phù hợp từng đối tượng. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ tâm lý, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, trị liệu ngôn ngữ. Số hóa hồ sơ học sinh và dữ liệu can thiệp; triển khai hệ thống theo dõi tiến trình học tập và phát triển của học sinh hòa nhập. Xây dựng kho học liệu điện tử, video hướng dẫn can thiệp sớm và hỗ trợ dạy học cho học sinh khuyết tật; đảm bảo bảo mật dữ liệu cá nhân.

4. Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép

Căn cứ số lượng học sinh, điều kiện từng trường, từng địa phương các cơ sở giáo dục dựa vào kết quả đánh giá năng lực, trình độ và khả năng tiếp thu của học sinh tổ chức các lớp học linh hoạt, lớp ghép để thực hiện các hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng. Tại các địa bàn khó khăn để bảo đảm quyền lợi và thuận lợi học tập của học sinh có thể tổ chức dạy học lớp ghép, trong quá trình tổ chức dạy học tại các lớp ghép phải bảo đảm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH²³.

cường thực hiện hiệu quả Công ước về quyền của người khuyết tật và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban về quyền của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1273/SGDĐT-GDMNTH ngày 28/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn công tác người khuyết tật và giáo dục hòa nhập từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh.

²⁰ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

²¹ Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2025 của Bộ GDĐT phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

²² Thông tư 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập.

²³ Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học.

5. Thực hiện tích hợp các tài liệu theo hướng dẫn của Bộ GDĐT²⁴, dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học/mạch kiến thức/chủ đề các môn học, hoạt động giáo dục; phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường.

6. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp Tiểu học

Các cơ sở giáo dục tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo các chuyên đề đã được tập huấn nhằm giúp cán bộ quản lý, giáo viên nắm vững qui trình, phương pháp dạy học, yêu cầu cần đạt; vận dụng các hình thức và phương pháp phù hợp với đặc trưng môn học và hoạt động giáo dục; đồng thời, chia sẻ kinh nghiệm trong chỉ đạo chuyên môn; nâng cao kỹ năng sư phạm cho giáo viên trong hoạt động dạy học và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đạt hiệu quả²⁵.

III. Bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông

1. Mạng lưới trường, lớp, điểm trường

Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp, phân hiệu, điểm trường phù hợp với quy hoạch, phân bố dân cư, điều kiện đi lại, yêu cầu giáo dục bắt buộc và bảo đảm chất lượng giáo dục; đối với trường tiểu học và trường nhiều cấp học có phân hiệu, điểm trường, bảo đảm công tác quản lý, cơ sở vật chất, thiết bị, vệ sinh, nước sạch, an toàn và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện

²⁴ Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại địa chỉ matsanghochay.moet.gov.vn), giáo dục quốc phòng và an ninh (theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học). Thực hiện tích hợp Tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học (theo Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học trong các môn học (Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm) và Công văn số 7235/BGDĐT-GDTH ngày 26/12/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sử dụng tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học). Thực hiện tích hợp Tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước đối với cấp tiểu học (theo Quyết định số 4670/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước đối với cấp tiểu học). Tài liệu hướng dẫn thực hiện tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong Chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp Tiểu học (Quyết định số 1309/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân).

²⁵ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn; Công văn số 970/SGDĐT-GDMNTH ngày 15/3/2026 của Sở GDĐT về việc triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 đối với CBQL, GVCC GDMN, GDTH cấp tỉnh; Công văn số 3258/SGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn.

thực tế của từng cấp học, điểm trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018²⁶.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Các cơ sở giáo dục tiểu học tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; ưu tiên phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, công trình vệ sinh, nước sạch, điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú, nội trú và các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn²⁷.

Quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu; đầu tư, mua sắm theo nhu cầu thực tế, tránh lãng phí.

Các cơ sở giáo dục tiểu học sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc trong tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục có liên quan²⁸; phát huy tính chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện; chủ động cập nhật nội dung dạy học, bảo đảm tính khoa học, hiện đại và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Trong quá trình sử dụng sách giáo khoa, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Sở GDĐT để tổng hợp, báo cáo Bộ GDĐT xem xét, hướng dẫn, giải quyết.

Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa, học liệu và thiết bị dạy học tối thiểu trước khi bắt đầu năm học; có giải pháp hỗ trợ, không để học sinh thiếu sách giáo khoa, tài liệu và học liệu do hoàn cảnh khó khăn²⁹. Khuyến khích các địa phương có điều kiện hoặc có nguồn lực xã hội hóa thực hiện miễn phí sách giáo khoa sớm hơn lộ trình³⁰.

3. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

²⁶ Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sắp xếp.

²⁷ Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18/7/2025 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT.

²⁸ Công văn số 172/SGDĐT-GDTrH ngày 15/01/2025 của Sở GDĐT về việc thông báo bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc.

²⁹ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT.

³⁰ Nghị định số 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo vị trí việc làm và loại hình cơ sở giáo dục; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm đội ngũ theo yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; đề xuất phương án tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng, bố trí, điều động, biệt phái và sử dụng đội ngũ, trong đó có dạy học liên trường, theo cụm trường, gắn với sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; ưu tiên khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và địa bàn khó khăn³¹.

Các cơ sở giáo dục tăng cường bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng bồi dưỡng năng lực về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường; phát huy đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục và theo cụm trường thiết thực, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của đội ngũ; tránh hình thức, không làm phát sinh cấp quản lý trung gian và thủ tục hành chính không cần thiết³².

4. Đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định³³; sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng nhà trường.

Các cơ sở giáo dục hằng năm tự đánh giá đúng thực trạng, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi.

Đối với cơ sở giáo dục đã đạt chuẩn quốc gia, cần thường xuyên rà soát, xây dựng lộ trình để củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng.

IV. Đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chuyển đổi số

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

³¹ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 26/6/2025.

³² Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn.

³³ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ GDĐT quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông. Công văn số 5548/BGDĐT-QLCL ngày 19/08/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng năm học 2026-2027.

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan liên quan trong quản lý học sinh, giáo dục bắt buộc, cơ sở vật chất, an toàn trường học, chính sách hỗ trợ, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học, cập nhật dữ liệu; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm giải trình theo quy định. Chủ động phối hợp với Sở GDĐT và các cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoạt động giáo dục được triển khai thông suốt, hiệu quả. Mỗi nhiệm vụ phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và trách nhiệm giải trình.

2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ³⁴.

Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan.

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; phát huy vai trò giám sát của giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Triển khai học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống³⁵.

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với

³⁴ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

³⁵ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 545/KH-SGDĐT ngày 28/02/2026 của Sở GDĐT về kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 459/KH-SGDĐT ngày 30/01/2026 của Sở GDĐT về Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2026.

dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

V. Bảo đảm an toàn, kỷ cương trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát

1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Các cơ sở giáo dục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống mất an toàn.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh nội trú, bán trú, học sinh ở xa gia đình. Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kỳ thị và phân biệt đối xử. Tăng cường tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; bố trí người thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và được bồi dưỡng nghiệp vụ; chủ động phát hiện, tư vấn, hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm; nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh.

Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định; không lợi dụng hoạt động phối hợp, liên kết hoặc danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia, thu tiền trái quy định.

3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát

phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục phổ thông; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục phổ thông và chính sách đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

C. MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC

1. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch “Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục Mầm non, Tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2025-2030” nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong từng năm học và giai đoạn.

2. Tiếp tục thực hiện và lan tỏa sâu rộng các Chương trình, mô hình: “Học thông qua chơi”, “Trường học hạnh phúc”, “Vui học tiếng Việt”, “Thư viện ước mơ”, “Sách cũ cho năm học mới”,... trong các cơ sở giáo dục tiểu học ở các xã, phường, đặc khu.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục Mầm non và Tiểu học

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Hướng dẫn này; kịp thời tổng hợp, tham mưu giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Trên cơ sở Hướng dẫn và tình hình thực tiễn của địa phương, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học theo phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp.

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Sở GDĐT theo quy định.

3. Các cơ sở giáo dục tiểu học

Các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm học báo cáo các cấp quản lý kết quả thực hiện theo quy định.

Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Ngụy Như Kon Tum, các Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập và Trường IEC Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện của đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GDĐT.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với giáo dục tiểu học, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc đề xuất, các đơn vị phản ánh

về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Mầm non và Tiểu học) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở GDĐT (để báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (để chỉ đạo);
- Các cơ sở giáo dục tiểu học (thực hiện);
- Công TTĐT Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, GDMNTH (ĐTH).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Liên Hương